

## KINH THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI \_QUYỀN THỨ BA\_

Hán dịch: Nước Kế Tân\_ Tam Tạng Sa Môn BÁT NHÃ cùng với MÂU NI  
THẤT LỢI dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

### ĐÀ LA NI \_PHẨM THỨ HAI\_ \_CHI BA\_

\_Lại nữ, Thiện Nam Tử! Nhóm nào gọi là **Hải Ân Đà La Ni Môn**?

Thiện Nam Tử! Như nước của biển lớn ẩn hiện tất cả. Ấy là hết thấy sắc tướng trong bốn Thiên Hạ, hoặc sắc tướng của **chúng sinh**, hoặc sắc tướng của **Phi Chúng Sinh**, núi, đồng, nguồn, gò, cây, gỗ, rừng rậm, thuốc, cỏ, lúa đậu, mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, Ma Ni, mây, chớp điện, làng xóm, doanh trại, tụ lạc, thành, ấp, vương đô cùng với cung điện của chư Tiên nam nữ, tất cả vật dụng, rừng hương, ao, đầm, nương lạch, sông, suối, dòng nước... hoa mỹ diễm lệ nghiêm sức. Nhóm loại như vậy, phẩm thượng trung hạ, tất cả sắc tướng ở trong biển lớn, bình đẳng ẩn hiện, cho nên nói biển lớn là Ân thứ nhất, Ân màu nhiệm tối thắng, mới lạ hiếm có, thù đặc... không có gì ngang bằng, không có gì hơn được.

Bồ Tát Ma Ha Tát cũng lại như vậy, trụ **Hải Ân Thập Thâm Tam Muội** này, được cùng với **Thân Bình Đẳng Ân** của tất cả chúng sinh, được cùng với **Ngũ Bình Đẳng Ân** của chúng sinh, được cùng với **Tâm Bình Đẳng Ân** của chúng sinh, **Ngũ Nghiệp** chuyển bánh xe Diệu Pháp của chư Phật trong mười phương Thế Giới. Bồ Tát đều từ nơi mà **Hải Ân** đã tuôn chảy, ở trong **Khẩu Môn** bình đẳng diễn nói, tùy theo chỗ nói đều cùng với **Pháp Ân** của chư Phật không có tạo làm cũng không có nghi ngờ, hoặc khiến cho tất cả chúng sinh thấy đều hiểu thấu (ngộ giải).

Nói Ân này là bậc thượng trong các Ân. Ấy là:

Ân của chữ **A** (𑖀:A) [A Tự Ân] là: do tất cả **Pháp Tính** (Dharmatā) không có sinh

Ân của chữ **La** (𑖣:RA) là: do tất cả Pháp không có nhiễm dính

Ân của chữ **Bả** (𑖅:PA) là: Môn **Thắng Nghĩa Đế** chẳng thể đặc

Ân của chữ **Giả** (:CA) là: con mắt với các Hạnh đều thanh tịnh

Ân của chữ **Na** (𑖎:NA) là: Danh Sắc, Tính Tướng chẳng thể đặc.

Ân của chữ **La** (𑖣:LA) là: Nhân Duyên của **nhánh yêu thích** (ái chi) liên tục chẳng đứt đoạn, đều chẳng hiện

Ân của chữ **Noa** (𑖏:DA) là: tỏ ngộ nhập vào Môn mười Lực thanh tịnh.

Ân của chữ **Ma** (𑖑:BA) là: **Lực** với **Bồ Đề Phần** đều thanh tịnh.

Ân của chữ **Noa** (𑖎:DA) là: Lia các oán địch với lo lắng bực bội.

Ân của chữ **Sái** (𑖒:SA) là: sáu Thông viên mãn không có chướng ngại.

Ân của chữ **Phộc** (𑖔:VA) là: con đường không có hai, cắt đứt sự nói năng.

Ân của chữ **Đa** (𑖕:TA) là: Tỏ ngộ nghĩa chân thật của tất cả Pháp.

Ân của chữ **Giả** (𑖘:YA) là: Xứng với Lý **Như Thật** mà diễn nói.

Ân của chữ **Sất-Tra** (𑖙:ṢṬA) là: Chế phục, nhậm trì chẳng thể đặc.

Ấn của chữ **Ca** (𑖂: KA) là: Xa lia Thế Luận, không có người tạo làm.

Ấn của chữ **Sa** (𑖃: SA) là: tỏ ngộ **bốn Chân Đế** đều bình đẳng.

Ấn của chữ **Mãng** (𑖄: MA) là: tỏ ngộ đường lối thanh tịnh của tất cả Pháp.

Ấn của chữ **Nga** (𑖅: GA) là: Nhập vào Pháp sâu xa, không có **lưu chuyển tạo ứng** (Hành), **chọn lấy** (thủ).

Ấn của chữ **Sa-Tha** (𑖆: THA) là: Hiện nói rằng: Thế Lục chẳng thể đắc.

Ấn của chữ **Nhạ** (𑖇: JA) là: Vượt qua **sinh tử**, **năng Sở** sinh.

Ấn của chữ **Thấp-Phộc** (𑖈: SVA) là: Điều xa lia nơi mà Phiền Nã đã lưu hành.

Ấn của chữ **Đà** (𑖉: DHA) là: Thể Tính của Pháp Giới chẳng tạp loạn.

Ấn của chữ **Xả** (𑖊: ŚA) là: Nhập vào sâu **Chỉ Quán** đều đầy đủ.

Ấn của chữ **Kha** (𑖋: KHA) là: Tỏ ngộ Pháp như hư không không có tận.

Ấn của chữ **Khất-Xoa** (𑖌: KṢA) là: Nhập vào **Tận Trí**, **Vô Sinh Trí**.

Ấn của chữ **Sa-Đa-Dã-A** (𑖍: STA) là: Xa lia **Chướng** hôn trầm, lưỡi biếng

Ấn của chữ **Chỉ-Nhương** (𑖎: ÑA) là: Thể Trí Tuệ của tất cả chúng sinh.

Ấn của chữ **Hạ** (𑖏: RTHA) là: Điều xa lia Thể **đập ác**, **tiến Thiện**

Ấn của chữ **Bà** (𑖐: BHA) là: Tập quen quán sát Thể **Giác Ngộ**.

Ấn của chữ **Giả-Xa** (𑖑: CHA) là: Xa lia Tính ngăn che của Tham Sân Si

Ấn của chữ **Sa-Mãng** (𑖒: SMA) là: Niệm chẳng tán động, không có quên mất.

Ấn của chữ **Ha-Bà** (𑖓: HVA) là: Có thể dùng **Thể** hộ triệu thỉnh mệnh

Ấn của chữ **Đá-Sa** (𑖔: TSA) là: **Thể** dừng mãnh xua đuổi các Hoặc.

Ấn của chữ **Già** (𑖕: GHA) là: Diệt tan mây nặng, màn Vô Minh.

Ấn của chữ **Xá** (𑖖: ṬHA) là: Gom chứa **Thể** cùng tận của các Hạnh cùng tận

Ấn của chữ **Ba-La** (𑖗: NA) là: Tùy thuận Thể **Tịch Chiếu tối thắng**.

Ấn của chữ **Phả** (𑖘: PHA) là: Thể quả báo viên mãn vòng khắp

Ấn của chữ **Sa-Ca** (𑖙: SKA) là: Thấu tỏ Thể của tất cả nhóm Uẩn.

Ấn của chữ **Đã-Sa** (𑖚: YSA) là: Hay trừ già, chết, tất cả bệnh.

Ấn của chữ **Thất\_giả** (𑖛: ŚCA) là: Hiện tiền Giác Ngộ chưa từng có.

Ấn của chữ **Tra** (𑖜: ṬA) là: Chặt đứt con đường sinh tử, được Niết Bàn.

Ấn của chữ **Sất\_Xá** (𑖝: ḌHA) là: Hiểu thấu Thể không có bờ mé, không có tận.

Này Thiện Nam Tử! Bồ Tát dùng mọi loại Pháp Tướng của nhóm như vậy, phân biệt diễn nói các **Tự Ấn Môn**

Thiện Nam Tử! Đây gọi là **Thâm Nhập Hải Ấn Tam Muội Đà La Ni Môn**.

\_Lại nữa, Thiện Nam Tử! Thế nào gọi là **Liên Hoa Trang Nghiêm Đà La Ni Môn**?

Này Thiện Nam Tử! Bồ Tát trụ Đà La Ni Môn này, tùy ở trong vô lượng Đại Hội ấy khi nói Diệu Pháp thời liền có tòa hoa sen màu nhiệm rộng lớn phun lên hiện trước mặt với mọi loại sắc tướng thù diệu trang nghiêm. Người nhìn thấy đều không biết chán. Tòa này vừa hiện thì thân liền an ngồi, tức ở trong hư không tuôn mưa hoa mọi báu, trong mọi loại hoa phát ra mọi loại âm thanh, trong mọi loại âm thanh nói mọi loại Pháp. Ấy là: hoặc Pháp vô lượng thâm sâu, hoặc nói Pháp danh cú xảo diệu, hoặc nói mọi loại các Môn **thí dụ** (Avadāna). Như vậy hoặc nói **Tu Đa La** (Sūtra:Khế Kinh), **Kỳ Dạ** (Geya:Ứng Tụng), **Hòa Già La Na** (Vyākaraṇa:Ký Biệt), **Già Tha**

(Gāthā:Phúng Tụng), **Ôn Đà Na** (Udāna:Tự Thuyết), **Ni Đà Na** (Nidāna:Nhân Duyên), **Bản Sự** (Ittivṛtaka), **Bản Sinh** (Jātaka), **Phương Quảng** (Vaipulya), **Hy Pháp** (Adbhuta-dharma), **Ưu Ba Đề Xá** (Upadeśa:Luận Nghị). Nói nhóm 12 Phần Giáo như vậy với mọi loại Môn... đều vì đoạn trừ các phiền não của tất cả chúng sinh. Rồi Tâm của Bồ Tát an trụ **Đại Xả**, Thiên Định vắng lặng, liền hay **Đẳng Dẫn** (Samāhita: một tên gọi của Định). Âm thanh như vậy nói Pháp chẳng dứt, diệt khổ của chúng sinh, làm các Phật Sự.

Lại ở khắp lỗ chân lông trên thân của Bồ Tát tuôn ra mọi loại ánh sáng, trong mỗi một ánh sáng sinh ra mọi loại hoa sen sáu màu nhiệm, trên mỗi một hoa có một vị Bồ Tát, đến khắp ở trong vô lượng vô biên các Thế Giới để làm Phật Sự.

Đây là bắt đầu nhập vào **Liên Hoa Trang Nghiêm Đà La Ni Môn**. Nếu rộng nói thì chẳng thể cùng tận.

\_Lại nữa, Thiện Nam Tử! Thế nào gọi là **Năng Nhập Vô Trước Đà La Ni Môn**?

Này Thiện Nam Tử! Bồ Tát trụ Đà La Ni Môn này, đối với một Pháp Môn, Tâm không có chỗ dính mắc. Như vậy, hoặc hai, hoặc ba, hoặc mười, hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc trăm ngàn, hoặc câu chi, hoặc na do tha, cho đến a tăng kỳ vô lượng vô biên vô đẳng, chẳng thể đếm, chẳng thể nghĩ, chẳng thể đo lường, chẳng thể nói...Pháp Môn, đều là Tâm bình đẳng mà không có chỗ dính mắc

Như vậy số Pháp Môn nhiều như số hạt bụi nhỏ của cõi **Diêm Phù Đề** (Jambudvīpa), số Pháp Môn nhiều như số hạt bụi nhỏ trong bốn Thiên Hạ, số Pháp Môn nhiều như số hạt bụi nhỏ trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới. Hoặc một cõi Phật, hoặc mười cõi Phật, hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc số Pháp Môn nhiều như số hạt bụi nhỏ trong hằng sa cõi Phật, cho đến số Pháp Môn nhiều như số hạt bụi nhỏ trong tất cả cõi Phật, cũng đều là Tâm bình đẳng không có chỗ dính mắc.

Nếu nói một Môn nhiếp số Pháp Môn như số hạt bụi trong tất cả cõi Phật bên trên, đều nhập vào một Môn, một thời diễn nói. Như ở một Môn, hoặc hai, hoặc ba cho đến vô lượng vô biên Pháp Môn cũng đều như vậy, trong một Môn nhiếp tất cả Môn, một thời diễn nói. Như vậy khi nói thời Tâm không có chỗ dính mắc, không có chỗ trụ, lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh. Nghĩa ấy sâu xa, xứng với Lý **Như Thật**, thứ tự không có loạn, đầy đủ nghĩa của văn.

Thiện Nam Tử! Đây gọi là **Năng Nhập Vô Trước Đà La Ni Môn**.

\_Lại nữa, Thiện Nam Tử! Thế nào gọi là dần dần vào sâu trong **Tứ Vô Ngại Trí Đà La Ni Môn**?

Này Thiện Nam Tử! Nếu các Bồ Tát an trụ ở Đà La Ni Môn này thời được **Vi Tế Sai Biệt Pháp Môn Vô Tận Trí**, được **Vi Tế Thâm Thâm Nghĩa Môn Vô Tận Trí**, được **Vi Tế Từ** (lời văn) **Môn Vô Tận Trí**, được **Vi Tế Vô Biên Biện** (tranh biện, phân biệt) **Môn Vô Tận Trí**. Được Trí này cho nên hết thấy chúng sinh ở phương Đông đồng một Đạo Trường, đều tùy theo loại âm tiếng, phương tiện khéo léo mà hỏi **Pháp** ấy. Hết thấy chúng sinh ở phương Nam đồng một Đạo Trường, đều tùy theo loại âm tiếng, phương tiện khéo léo mà hỏi **Nghĩa** ấy. Hết thấy chúng sinh ở phương Tây đồng một Đạo Trường, đều tùy theo loại âm tiếng, phương tiện khéo léo mà hỏi **Từ** (lời văn) ấy. Hết thấy chúng sinh ở phương Bắc đồng một Đạo Trường, đều tùy theo loại âm tiếng, phương tiện khéo léo mà hỏi **Biện** (tranh biện, phân biệt) ấy.

Như vậy, tất cả chúng sinh ở bốn phương, một lúc hỏi mọi loại Pháp Môn thời Bồ Tát một Niệm đều hay tiếp nhận (lãnh thọ), Tâm không có rối loạn, sáng suốt ghi nhận không có mất. Nơi một **Ngũ Nghiệp** phát ra mọi loại âm tiếng, mỗi một âm thanh

nói tất cả Pháp, tùy theo nơi ưa thích thuộc chủng loại của các chúng sinh mà đều khác nhau, đều được **Lãnh Giải** (lý giải được điều mà người khác đã dạy bảo), Tâm vui mừng hớn hờ, mãn túc ước nguyện.

Thiện Nam Tử! Đây là Bồ Tát dần dần vào sâu trong **Tứ Vô Ngại Trí Đà La Ni Môn**.

\_Lại nữa, Thiện Nam Tử! Thế nào gọi là **Chư Phật Hộ Trì Trang Nghiêm Đà La Ni Môn**?

Này Thiện Nam Tử! Bồ Tát được Đà La Ni này cho nên ở trong Đại Hội, ngồi trên tòa Đại Pháp, ở chính giữa nơi cao nhất của Như Lai, chỗ xương của đỉnh đầu giao nhau, chột hiện thân Như Lai màu vàng ròng với tướng tốt trang nghiêm, rồi dùng bàn tay phải xoa đỉnh đầu của Bồ Tát. Tức thời Bồ Tát liền được sắc thân với tướng tốt trang nghiêm, viên mãn đầy đủ, được viên mãn đầy đủ mọi loại Phật Pháp của nhóm như vậy. Đã được điều này xong, tùy theo tất cả chúng sinh trong Đại Hội này: Tâm Giới chẳng đồng, ham thích sai biệt, chỗ nghi ngờ khác nhau mà nói mọi loại Pháp. Hoặc một ngày đêm, hoặc hai, hoặc ba, nửa tháng, một tháng, một năm, trăm năm tùy theo sự ưa thích của Tâm, lâu gần, nhiều ít... thường nói Diệu Pháp không có cùng tận. Khi nói như vậy thời chẳng uống chẳng ăn, chẳng yếu đuối, chẳng gầy còm, thân tâm chẳng mệt mỏi.

Do sức uy đức hộ trì chẳng thể nghĩ bàn của Đức Như Lai nên Bồ Tát được bốn loại Đại Trí. Thế nào là bốn? Ấy là **Vi Tế Liễu Tri Chúng Sinh Tâm Hạnh Các Sai Biệt Trí, Vi Tế Phân Biệt Nhất Thiết Chư Pháp Vô Cùng Tận Trí, Thiện Năng Phân Biệt Tam Thừa Tu Hành Chư Thứ Độ Trí, Cụ Túc Viên Mãn Tùy Thuận Kham Nhậm Diễn Thuyết Pháp Trí**.

Thiện Nam Tử! Đây gọi là lược nói **Chư Phật Hộ Trì Trang Nghiêm Đà La Ni Môn**. Nếu rộng nói thì **vô lượng vô biên đẳng hư không giới** không có cùng tận, cùng với nhóm Như Lai làm lợi ích cho các chúng sinh

Thiện Nam Tử! Đây là tám loại Đà La Ni Môn. Nếu có Bồ Tát an trụ ở tám Đà La Ni Môn này, tức hay tông tri Diệu Pháp mà tất cả Như Lai với các Bồ Tát đã nói, khiến cho các Bồ Tát biện tài không có ngăn ngại. Tất cả chúng sinh, nếu có người nghe được đều yêu thích, vui vẻ, không có chán ghét”

\_Khi ấy, Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát nghe Pháp này xong, Tâm hớn hờ dùng **Kệ** khen rằng:

“\_ **Thiện Thệ** (Sugata) nói tám Pháp Tổng Trì  
Quyết định khiến được **Vi Diệu Thừa**  
Diễn trăm ngàn ức **Tu Đa La** (Sūtra: Khế Kinh)  
Nơi nghĩ với văn, không chỗ dính  
Tiếng lớn thanh tịnh không bờ mé  
Trăm ngàn vô lượng cõi đều nghe  
Thành Tâm vắng lặng của chúng sinh  
Đây tên **Đại Thanh Thanh Tịnh Nghĩa**  
\_ Một chữ diễn nói tất cả Pháp  
Nhiều kiếp không có lúc cùng tận  
Mỗi một **môn chữ** (tự môn) lại cũng thế  
Đây trụ **Bảo Khiếp Chân Ngôn Địa**  
Xa lìa các **Biên** (một phía, một bên) được thanh tịnh  
Bình đẳng không dính, đồng Như Lai  
Sát na Chính Niệm trừ phiền não

Đây tên **Pháp Nghĩa Tuyên Phúc Xứ**

\_ Các sắc tướng trong bốn Thiên Hạ

**Đại Hải Ấn** hiện, không bỏ sót

Nói Môn khó nghĩ không tận này

Đây tên **Hải Ấn Chân Ngôn Đức**

\_ Đủ tướng Đại Nhân ở Đại Chúng

Ngồi hoa hoa sen, tuôn mưa Trời

Hoa diển câu chi Môn Diệu Pháp

**Liên Hoa Trang Nghiêm Tổng Trì Dụng**

\_ Vào Pháp **một câu** (nhất cú) không chỗ dính

*Ưc Sát Vi Trần Cú* (số câu nhiều như số bụi nhỏ của một ức cõi) cũng thế

Câu Câu diển sớng Môn khó nghĩ

**Vô Trước Tổng Trì** đều tự tại.

\_ Đây đủ **Pháp, Nghĩa** với **Từ** (lời văn), **Biện**

Chúng sinh bốn phương đều *khải nghi* (thưa hỏi sự nghi ngờ)

Lưới Nghi ta người đều đoạn trừ

Đây là **Tứ Biện Tổng Trì Lục**

\_ Bồ Tát nhảy lên tòa Đại Pháp

Trên đỉnh hiện Phật như núi vàng

Liên duỗi tay phải, tướng trang nghiêm

Ấn trọng xoa đỉnh đầu Bồ Tát

Được **Vi Diệu Biện** đồng với Phật

Đây tên **Hộ Niệm Phật Trang Nghiêm**

\_ Được vào Môn Tổng Trì tối thắng

Liên được Đức khó nghĩ không tận

Như sen chẳng nhiễm, ở ba cõi

**Năm Trần** (*Sắc, thanh, hương, vị, xúc*) chẳng động, ngang Tu Di

\_ Được Đà La Ni tối thắng này

**Vô Đẳng Trí** (*Trí không có gì ngang bằng*) vượt ba cõi, chuyển

Hay **Sư Tử Hồng** (*tiếng gầm rống của Sư Tử*) không chỗ sợ

Phá các Ngoại Đạo, đập núi Tà.

\_ Được Đà La Ni tối thắng này

Xa lìa nhận sinh các Nghiệp Quả

Như đất sinh trưởng các Thiện Pháp

Như nước rửa dơ, sạch không sót

Như lửa thiêu đốt chẳng chọn củi

Như gió thổi quạt, không chỗ trụ

Như **Y** (thầy thuốc) khéo biết thuốc của Pháp

Trừ bệnh chúng sinh, được an ninh.

\_ Được Đà La Ni tối thắng này

Trí diển các Pháp không nghiêng động

Như trăng sáng tròn không điểm dơ

Tỏa sáng, vô tư soi chiếu khắp.

\_ Được Đà La Ni tối thắng này

Chúng Hội nhìn thấy không chán bỏ

Như mặt trời sáng, bình đẳng chiếu

Phá ám sinh tử, **Giác** (thức tỉnh) quần mê

\_ Được Đà La Ni tối thắng này

Hay trừ Khát Ái của hữu tình

Như Chuyển Luân Vương đại **mười Thiện**  
Như Tỳ Sa Môn giàu **Pháp Tài**  
\_Được Đà La Ni tối thắng này  
**Từ Niệm** (niệm thương yêu giúp đỡ) chúng sinh, tuôn mưa Pháp  
Như Rồng kéo mây, hiện uy đức  
Sấm Sét, Diệu Điện đều **vô tư** (không có sự riêng tư)  
\_Được Đà La Ni tối thắng này  
Vắng lặng không Tâm, không chấp dính  
Trang nghiêm vi diệu như Đê Thích  
Đại Trí tùy **Cơ** diễn Pháp Môn  
\_Được Đà La Ni tối thắng này  
Giống như **Ngưu Vương** ở Đại Chúng  
Như Đại Phạm Vương trụ **Từ Định**  
Quán khắp Thế Giới, vượt qua hết  
\_Được Đà La Ni tối thắng này  
Thường được **năm Thông** (5 loại Thần Thông) không chuyển lùi  
Đạo khắp Pháp Giới, cõi khó nghĩ  
Như Phạm Thiên Vương, khắp **Phạm Cung** (cung điện của Phạm Thiên)  
\_Được Đà La Ni tối thắng này  
Cúng dường biển chư Phật mười phương  
Chư Phật đồng xem như con trưởng  
Đồng thời khen Đức, khó nghĩ bàn  
\_Được Đà La Ni tối thắng này  
Chẳng lâu được Công Đức của Phật  
Biện Tài rộng rãi không cùng tận  
Diễn nói **Tu Đa La** (Khế Kinh) sâu rộng  
\_Được Đà La Ni tối thắng này  
**Diệu Biện** (biện thuyết khéo léo) như tóc không đoạn tuyệt  
Trí Tuệ, thông minh không vọng niệm  
Vô biên phương tiện đồng hư không  
\_Được Đà La Ni tối thắng này  
Kiêu Mạn, dối nịnh đều trừ dứt  
Định Tuệ kèm tuôn không đoạn tuyệt  
Từ Bi đều khởi, chẳng lìa nhau  
\_Được Đà La Ni tối thắng này  
Dứt hẳn các lỗi của Thế Gian  
Khéo biết Pháp Ngôn Ngữ chúng sinh  
**Tâm, Hạnh, Căn, Dục** đều không còn  
\_Được Đà La Ni tối thắng này  
Nói Pháp, đầu lông không làm lỗi  
**Niệm Xứ, Chính Đạo, Định** đều tròn  
\_Được Đà La Ni tối thắng này  
Liên được **Thù Diệu Tịnh Pháp Trí**  
Tùy thuận các **Độ** (Pāramitā: Ba La Mật) đến bờ kia  
Thông đạt **bốn Nhiếp** không có sót  
\_Được Đà La Ni tối thắng này  
Hay biết cảnh giới của **Thiện Thệ** (Sugata: một trong mười hiệu của Đức Phật)  
Tự nhiên gần Phật, vắng lặng sâu

Dựng lập vạn Hạnh **điều** (điều hòa, sắp xếp) chúng sinh

\_Được Đà La Ni tối thắng này

Ở tất cả thời không thác loạn

Đắc được **Uân, Giới, Nhập** không dơ

Ở **Thai** (bào thai) chẳng nhiễm, đều biết rõ

\_Được Đà La Ni tối thắng này

Thấy Phật như Tâm sen chẳng dính

Ba Nghiệp luôn tùy Trí Tuệ chuyển

Động, tịch không ngại lợi chúng sinh

\_Được Đà La Ni tối thắng này

Nói Pháp thường nương chư Phật giúp

Đại Trí hay làm chủ chúng sinh

Nhiều kiếp khen ngợi chẳng thể hết”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Nhất Thiết Tự Tại Vương Bồ Tát rằng: “Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ông hay khen nói Đà La Ni này, như chư Phật nói ngang bằng không có khác. Nay Ta tùy vui.

Này Thiện Nam Tử! Nay trong Hội này có sáu mươi ức na do tha Bồ Tát xuất gia cùng với vô số trăm ngàn vạn ức Bồ Tát tại gia... nghe Đà La Ni Môn này đều được **Vô Sinh Pháp Nhẫn** (Anutpattika-dharma-ksānti). Vô lượng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, a Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, Phi Nhân, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di... đều đối với A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề (Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) được chẳng chuyển lùi”.

### KINH THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI ĐẠI BI THAI TẠNG XUẤT SINH \_PHẨM THỨ BA\_

Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Ma Ha Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, lễ Đức Phật rồi chấp tay cung kính bạch Phật rằng: “Thế Tôn Như Đức Phật đã nói: **Tâm** (Citta) với **Hư Không** (Ākāśa), **Đà La Ni** (Dhāraṇī), **Bồ Đề** (Bodhi) không có hai, không có khác... đều dùng **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) làm **gốc rễ** (Mūla: căn). Nhưng Đại Bi này lại dùng Pháp nào để làm gốc rễ?”

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện Nam Tử thẳng thắn phát ra câu hỏi này vì muốn lợi lạc cho nhiều chúng sinh. Hãy nghe cho kỹ! Hãy nghe cho kỹ! Hãy khéo nghĩ nhớ! Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói.

Này Thiện Nam Tử! Gốc rễ Đại Bi này lại dùng **chúng sinh thọ nhận khổ đau** làm gốc rễ”

\_Văn Thù Sư Lợi lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Chúng sinh thọ nhận khổ đau lại dùng Pháp nào để làm gốc rễ?”

Đức Phật nói: “Từ **phiền não** (Kleśa) sinh ra”

\_Lại hỏi: “Phiền não dùng cái gì làm gốc rễ?”

Đức Phật nói: “Từ **mọi loại Tà Kiến** (Mithyā-dṛṣṭi) **điên đảo** mà sinh ra”

\_Lại hỏi: “Mọi loại Tà Kiến điên đảo dùng cái gì làm gốc rễ?”

Đức Phật nói: “Từ **hư vọng phân biệt** (Vitatha-vikalpa) sinh ra”

Lại hỏi: “Hu vọng phân biệt dùng cái gì làm gốc rễ?”

Đức Phật nói: “Vọng phân biệt này không có gốc rễ, không có sắc tướng, khó biết, khó chặt đứt.

Này Thiện Nam Tử! Do nghĩa này cho nên Bồ Tát Ma Ha Tát vì các chúng sinh khởi Tâm Đại Bi, nhọc nhằn, khiêm nhường, quên mệt mỏi... ví như cây mía cùng với mè, dùng vật đè ép thì dầu, tương liền hiện. Bồ Tát cũng thế, Đại Bi sâu nặng lại khởi 16 Tâm Đại Bi, tác niệm rằng: “Thương thay! Chúng sinh thường bị **Thân Kiến** (Satkaya-dṛṣṭi) cột buộc, dùng mọi loại **Tà Kiến** (Mithyā-dṛṣṭi) làm hang, nhà... Ta sẽ vì kẻ ấy, diễn nói Diệu Pháp đều khiến cho trừ đứt. Thương thay! Chúng sinh đối với **Đoạn** (Uccheda), **Thường** (Nitya) chấp dính dựng lập”

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Thế nào gọi là **Đoạn Kiến** (Uccheda-dṛṣṭi), **Thường Kiến** (Nitya-dṛṣṭi hay Śāsava-dṛṣṭi)?

Đức Phật bảo: “Này Thiện Nam Tử! Nói **Đoạn Kiến** là: bố thí, cúng dường đều không có quả báo. Làm Thiện, làm Ác thì đời này đời sau đều không có quả. Cha mẹ biến hóa thầy đều chặt đứt, không có. Tại sao thế? Ví như biết thiêu đốt củi xong thì thành tro, cuối cùng không có Lý sinh ra. Đây gọi là **Đoạn Kiến**

Nói **Thường Kiến** là: Nhà vua thường đem sự quý hiển của vua thường làm sự quý trọng. Nhóm loại: Nam nữ nghèo, giàu, đoan chính, xấu xí, voi, ngựa thường không có biến đổi. Tại sao thế? Ví như hạt giống tùy theo bản loại của nó đều sinh ra mầm khác nhau, cuối cùng không có tạp loạn.

Này Thiện Nam Tử! Nhóm chúng sinh này tạo làm **chỗ thấy biết** (Dṛṣṭi: Kiến) như vậy đều không có quả báo. Bồ Tát vì kẻ ấy khởi **Tâm Đại Bi** (Mahā-kāruna-citta) mở bày diễn nói Môn **Duyên Khởi** (Pratītya-samutpāda) khiến cho kẻ ấy tin vào **Nhân Duyên** (Hetu-pratyaya), **Quả Báo** (Vipāka).

Bồ Tát lại niệm: “Thương thay! Chúng sinh dấy lên bốn thứ điên đảo: **Không có Thường** lại tính là **Thường**, không có vui lại tính là vui, không có **cái Ta** (ngã) lại tính là **cái Ta**, không có trong sạch lại tính là trong sạch. Ta sẽ vì kẻ ấy nói Pháp thâm sâu khiến trừ điên đảo.

Thương thay! Chúng sinh ở trong **Vô Ngã** (không có cái Ta), **Vô Ngã Sở** (không có cái của Ta) lại tính là **Ngã** (Ātman:cái Ta), **Ngã Sở** (Mama-kāra:cái của Ta). Ta sẽ vì kẻ ấy nói Pháp vi diệu khiến cho kẻ ấy trừ dứt chỗ thấy biết về **Ngã, Ngã Sở**

Thương thay! Chúng sinh bị các **Cái Chướng** (Āvaraṇa:một tên gọi của phiền não) che lấp. Tâm trong mũi tên Tham, lửa giận dữ cháy mạnh đều thiêu đốt thân tâm. Say mê hôn trầm, nằm ngủ...**trạo cử** (Auddhatya:tác dụng của tinh thần phù động chẳng yên) làm ác ràng buộc chẳng buông bỏ, đối với Pháp thâm sâu thường ôm giữ sự nghi hoặc. Ta sẽ vì kẻ ấy nói Pháp vi diệu khiến cho kẻ ấy hủy hoại các lưới che trùm.

Thương thay! Chúng sinh vương dính **sáu Xứ**. Con mắt vừa nhìn thấy hình sắc, tùy theo danh tướng của hình sắc mà sinh chấp dính. Lỗ tai nghe âm thanh, lỗ mũi ngửi mùi thơm, hôi. Cái lưỡi nếm nhiều mùi vị. Cái thân tiếp chạm sự trơn mềm nhô nhem. Ý phân biệt Pháp... đều tùy theo danh tướng mà sinh chấp dính. Ta sẽ vì kẻ ấy nói Pháp sâu xa màu nhiệm khiến cho chẳng ưa dính nhóm trống rỗng của **sáu Xứ**

Thương thay! Chúng sinh phần nhiều khởi các **Mạn** là: **Mạn** (Māna), **Quá Hạn** (Ati-māna) với **Mạn Quá Hạn** (Mānāti-māna), **Ngã Hạn** (Ātma-māna), **Tăng Thượng Hạn** (Adhi-māna), **Ty Hạn** (Ūna-māna), **Tà Hạn** (Mithyā-māna)

Thế nào là **Mạn** (Māna)? Ấy là đối với chúng sinh thấp kém, thì tính là Ta hơn kẻ kia



Nói **Quá Mạn** (Ati-māna) là đối với người ngang bằng với mình thì nói là ta hơn hẳn kẻ kia

**Mạn Quá Mạn** (Mānāti-māna) là đối với người khác hơn hẳn ta, lại tính là ta hơn kẻ ấy.

Nói **Ngã Mạn** (Ātma-māna) là đối với hình sắc lại tính là Ta, cho đến đối với **Thức** (Vijñāna: sự nhận thức) cũng tính là ở Ta, khiến cho Tâm **ngẩng cao lên** (cao cử)

Nói **Tăng Thượng Mạn** (Adhi-māna) là: Chưa từng đắc được Thánh Pháp tăng thượng mà lại hướng về người khác nói rằng Ta được Thánh Pháp.

Nói **Ty Mạn** (Ūna-māna) là: Đối với người hơn hẳn mình nhiều phần thì nói rằng ta yếu kém.

Nói **Tà Mạn** (Mithyā-māna) là ở trong Tà Kiến không có Đức của mình, lại nói rằng mình là chính đúng, trở ngược lại bảo người khác là Tà.

Nhóm **mạn** như vậy, Ta sẽ vì kẻ ấy nói Pháp thâm sâu khiến cho kẻ ấy trừ dứt, trụ ở bình đẳng.

\_Thương thay! Chúng sinh hướng theo đường Tà là lìa đường Thánh. Ta sẽ vì kẻ ấy nói Pháp của con đường chính đúng khiến cho xa lìa lối Tà.

Thương thay! Chúng sinh làm nô dịch cho sự ân ái, nhận chịu sự sai khiến của nó. Thê thiếp, nam nữ dùng làm xiềng xích, gông cùm cột trói, nhiễm dính, ham đắm mùi vị... chẳng thể xa lìa khiến cho thân miệng ý chẳng được tự tại. Ta sẽ vì kẻ ấy nói Pháp lìa Tham khiến cho ba nghiệp của kẻ ấy **động, dừng** không có sự ràng giữ.

Thương thay! Chúng sinh luân phiên tranh đấu với nhau, giận dữ kết hận trợ nhau làm oán thù. Ta sẽ vì họ nói Pháp khiến cho trừ dứt

Thương thay! Chúng sinh xa **Thiện Tri Thức** (Kalyāṇa-mitra) tùy chạy theo bạn ác chẳng xa lìa nhau, như ngón tay với móng tay hòa hợp cùng dựa vào nhau, làm các nghiệp ác không có tạm ngưng nghỉ. Ta sẽ vì họ nói Pháp khiến cho buông bỏ bạn ác, gần gũi Thiện Tri Thức.

Thương thay! Chúng sinh tham cầu **danh lợi** không có chán ghét như biển nuốt dòng sông được sự đầy tràn, như lửa được chất thêm củi, xa lìa Trí Tuệ Thật Tướng không dơ bản. Ta sẽ vì kẻ ấy nói Pháp chân thật khiết chặt dứt danh lợi, được Trí thanh tịnh.

Thương thay! Chúng sinh vô minh đen tối, trong Pháp **Vô Ngã** ngang ngạnh dấy lên **Ngã Kiến, chúng sinh, Thọ Mệnh, Bồ Đặc Già La** (Pudgala). Ta sẽ vì họ nói Pháp đoạn trừ mọi loại Tà Kiến như vậy khiến loại bỏ màng che mờ mắt, mở con mắt Trí trong sạch.

Thương thay! Chúng sinh bị ngục tù sinh tử, luân hồi cầm buộc, bị oán tặc năm uẩn giết hại. Ta sẽ vì họ nói Pháp khiến cho ra khỏi ba cõi.

Thương thay! Chúng sinh bị sợi dây Ba cột trói, năm Dục ràng buộc chẳng được thoát lìa. Ta sẽ vì họ nói Pháp vượt qua Ma khiến dứt hẳn sợi dây Ma, chặt dứt sự ràng buộc của năm Dục.

Thương thay! Chúng sinh đóng cửa Niết Bàn, mở đường sinh tử. Ta sẽ vì họ nói Pháp khiến đóng **ba ác** vào cửa Niết Bàn.

Thiện Nam Tử! Đây là Bồ Tát Ma Ha Tát khởi 16 loại Tâm Đại Bi”.

\_Khi ấy, Đức Thế Tôn lại bảo Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử rằng: “Thiện Nam Tử! Đại Bi Môn này tức là mẹ của tất cả Bồ Tát. Bồ Tát trụ trong Đại Bi này liền hay dựng lập 32 loại **sự nghiệp chẳng chung cùng** (bất cộng sự nghiệp), ngày đêm siêng tu, mau được viên mãn.

Thế nào gọi là **32 loại sự nghiệp chẳng chung cùng?**

Ấy là: Bồ Tát nếu thấy tất cả chúng sinh ngu si, ngu say trong đêm dài tối tăm nặng nề, không có Trí thi liền dùng Trí Tuệ, trước tiên tự mình hiểu biết rõ ràng, lại dùng Trí Tuệ giác ngộ tất cả chúng sinh ngu si. Đây gọi là **sự nghiệp chẳng chung cùng thứ nhất của Bồ Tát.**

Nếu thấy chúng sinh yêu thích **Nhị Thừa**, Tâm hạn hẹp kém cỏi. Bồ Tát liền khởi Tâm rộng lớn khiến cho kẻ ấy an trụ trong Pháp Đại Thừa. Đây gọi là **sự nghiệp chẳng chung cùng thứ hai của Bồ Tát.**

Nếu thấy chúng sinh yêu thích **Phi Pháp** (Adharma), buông thả ba nghiệp, không có **Thiện Pháp** (Kusala-dharma), tham muốn. Bồ Tát tự trụ tại vườn Chính Pháp, lại khiến cho chúng sinh trụ trong Chính Pháp. Đây gọi là **sự nghiệp chẳng chung cùng thứ ba của Bồ Tát.**

Nếu thấy chúng sinh **Tà Mệnh** (Mitya-jīva), tự sống giả trá lừa dối, tham cầu. Trước tiên đem thân của mình trụ ở **Chính Mệnh** (samyag-ājīva). Lại khiến cho chúng sinh an trụ trong Pháp Chính Mệnh trong sạch. Đây gọi là **sự nghiệp chẳng chung cùng thứ tư của Bồ Tát.**

Nếu thấy chúng sinh xoay hướng không có Nhân Quả với tất cả Pháp, khởi Đại Tà Kiến thì tự mình trụ **Chính Kiến** (Samyag-drṣṭi) lại khiến cho chúng sinh an trụ trong Pháp Chính Kiến không có dơ bẩn. Đây gọi là **sự nghiệp chẳng chung cùng thứ năm của Bồ Tát.**

Nếu thấy chúng sinh không có hiểu biết (vô tri), nghĩ ác, gom chứa phiền não thì tự mình dùng con mắt Trí an Tâm **Chính Niệm** (Samyak-smṛti). Lại khiến cho chúng sinh trụ ở Chính Niệm, phá tắt tối **Vô Tri**, mở ánh sáng Trí Tuệ. Đây gọi là **sự nghiệp chẳng chung cùng thứ sáu của Bồ Tát.**

Nếu thấy chúng sinh vứt bỏ **Pháp chính đúng** (Chính Pháp) trụ **Pháp chẳng chính đúng** (Bất Chính Pháp). Trước tiên tự mình an trụ trong **Chính Pháp** (Sad-dharma), lại khiến cho chúng sinh hiểu thấu Chính Pháp. Đây gọi là **sự nghiệp chẳng chung cùng thứ bảy của Bồ Tát.**

Nếu thấy chúng sinh bị sự keo kiệt che lấp. Bồ Tát tự thân khởi Tâm không có keo kiệt, tất cả đều buông bỏ. Lại khiến cho chúng sinh siêng tu Hạnh buông bỏ. Đây gọi là **sự nghiệp chẳng chung cùng thứ tám của Bồ Tát.**

Nếu thấy chúng sinh hủy phạm Giới trong sạch (tịnh giới), đối với **Biểu** (Kiểu mẫu, mực thước, tiêu biểu) **Vô Biểu** (không có mẫu mực, không có mực thước, không có tiêu biểu) chẳng thể tuân hành thì liền dùng Giới trong sạch trang nghiêm thân của mình, lại khiến cho chúng sinh giữ gìn bền chắc Giới trong sạch. Đây gọi là **sự nghiệp chẳng chung cùng thứ chín của Bồ Tát.**

Nếu thấy chúng sinh sân hận mãnh liệt, gom chứa chông chất các ác thì dùng sức **Từ Bi và Nhẫn Nhục** (Từ Nhẫn lực) để tự trang nghiêm, lại khiến cho chúng sinh an trụ Pháp này. Đây gọi là **sự nghiệp chẳng chung cùng thứ mười của Bồ Tát.**

Nếu thấy chúng sinh thân tâm lười biếng, xa lìa tinh tiến thì từ mình dùng giáp trụ tinh tiến nghiêm thân, lại khiến cho chúng sinh buông bỏ Tâm lười biếng, siêng năng mạnh mẽ chẳng uể oải. Đây gọi là **sự nghiệp chẳng chung cùng thứ mười một của Bồ Tát.**

Nếu thấy chúng sinh tán loạn, vọng niệm. Bồ Tát tự trụ **Tam Ma Hứ Đa** (Samāhita:Đẳng Dẫn) vắng lặng quán sát cũng khiến cho chúng sinh buông loạn trụ Định. Đây gọi là **sự nghiệp chẳng chung cùng thứ mười hai của Bồ Tát.**

Nếu thấy chúng sinh ác tuệ, không có trí. Liên dùng Trí Tuệ để tự trang nghiêm, lại khiến cho chúng sinh buông lìa Ác Tuệ, đầy đủ **Bát Nhã Ba La Mật Đa** (Prajñāpāramitā). Đây gọi là **sự nghiệp chắng chung cùng thứ mười ba của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh tác **Ý chắng đúng Lý** (phi lý tác ý), hành nơi Tà Đạo. Bồ Tát liền dùng phương tiện khéo léo suy nghĩ **như Lý** cũng khiến cho chúng sinh buông bỏ nơi **chắng đúng Lý** (phi lý), an trụ Chính Đạo. Đây gọi là **sự nghiệp chắng chung cùng thứ mười bốn của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh tối tăm rối loạn không có hiểu biết, bị phiền não gây hại. Bồ Tát tự trụ tùy niệm phân biệt mọi loại phân biệt, nhỏ nhiệm phân biệt tất cả cảnh giới xa lìa phiền não, lại khiến cho chúng sinh đoạn trừ phiền não trụ trong Chính Pháp. Đây gọi là **sự nghiệp chắng chung cùng thứ mười lăm của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh bị ngục tù **Thân Kiến** (Satkaya-dṛṣṭi), **Hữu Kiến** (Astivānisrita:Chấp dính vào sự biến hiện của cái có) cột trói thì nên dùng Trí Tuệ thấu đạt thân của mình chắng bị cái thấy (Kiến) trói buộc, lại khiến cho chúng sinh xa lìa **Thân Kiến**, chắng tính toán ở cái có (Bhava: hữu), trụ Chính Trí Tuệ. Đây gọi là **sự nghiệp chắng chung cùng thứ mười sáu của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh **phóng túng buông thả** (túng dăng) các **Căn** (Indriya), chạy theo **cảnh giới** (Viṣaya) chắng thể chế phục thì tự mình nhu hòa Tâm không có **phóng dật** (Pramāda: buông thả), lại khiến cho chúng sinh an trụ **Luật Nghi** (Saṃvaraḥ), khéo thủ hộ Căn Môn, ba nghiệp đều thuận. Đây gọi là **sự nghiệp chắng chung cùng thứ mười bảy của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh không có **Tâm** (Hrī:Tâm sùng kính các Công Đức với người có Đức), không có **Quý** (Apatrāpya:Tâm sợ tội lỗi), chắng biết báo Ân, chặt đứt căn lành thì liền dùng **Tâm Quý** để tự trang nghiêm, biết Ân, biết báo đáp, tu các căn lành. Lại vì chúng sinh nói Pháp mở bày khiến cho đủ **Tâm Quý**, hay biết Ân Đức, viên mãn căn lành. Đây gọi là **sự nghiệp chắng chung cùng thứ mười tám của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh bị nước lũ lớn, sóng lớn, sóng nhỏ cuốn chìm, tùy theo nghiệp nổi chìm chắng thể ra được. Bồ Tát tự mình hiện vượt qua giòng nước lũ đến ở bờ kia. Lại khiến cho chúng sinh đoạn trừ nghiệp ác, vượt giòng sinh tử, đến bờ Niết Bàn. Đây gọi là **sự nghiệp chắng chung cùng thứ mười chín của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh cang cường khó hóa độ thì dùng thân của mình nhún nhường, nhân nhượng, vâng thuận Sư Trưởng. Lại khiến cho chúng sinh an trụ **khiêm kính** (khiêm tốn cung kính). Đây gọi là **sự nghiệp chắng chung cùng thứ hai mươi của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh ôm giữ tâm ganh ghét, đối với người tu Thiện phần lớn sinh nhiều chướng ngại. Liên dùng căn lành tự nghiêm thân của mình, lại khiến cho chúng sinh buông lìa Tâm nghi ngờ, ghen ghét gây chướng ngại... an trụ Chính Pháp. Đây gọi là **sự nghiệp chắng chung cùng thứ hai mươi một của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh nghèo túng không có **Pháp Tài** (ví dụ chỉ Phật Pháp). Bồ Tát hiện bày có vô lượng vật dụng giúp cho sinh sống, đủ **bảy Thánh Tài** (7 loại Thánh Pháp của Phật Đạo). Lại khiến cho chúng sinh không có chỗ túng thiếu, trụ trong Thánh Tài. Đây gọi là **sự nghiệp chắng chung cùng thứ hai mươi hai của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh thường bị bệnh tật, khổ đau, bốn Đại, rắn độc... trợ nhau lật ngược gây thương tổn, hại cho thân tâm. Bồ Tát liền dùng công đức **không có bệnh** để tự trang nghiêm, lại đặt để chúng sinh trong Pháp an vui không có các bệnh. Đây gọi là **sự nghiệp chắng chung cùng thứ hai mươi ba của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh ngu si, không có Trí, xa lìa ánh sáng của Trí. Bồ Tát liền dùng ánh sáng Trí Tuệ tự nghiêm thân của mình, lại khiến cho chúng sinh an trụ trong Pháp Trí Tuệ không có ngu si. Đây gọi là **sự nghiệp chướng chung cùng thứ hai mươi bốn của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh ưa dính bám sâu uế ác trong ba cõi, luân hồi trong năm đường. Bồ Tát khéo hay tự mình ra khỏi ba cõi, lại dùng con đường khéo léo ra khỏi ba cõi, vận chuyển chúng sinh. Đây gọi là **sự nghiệp chướng chung cùng thứ hai mươi lăm của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh trái nghịch con đường chính đúng (chính đạo), đi vào lối Tà (tà kính) thì tự mình an Chính Pháp, lại khiến cho chúng sinh trụ trong Chính Pháp. Đây gọi là **sự nghiệp chướng chung cùng thứ hai mươi sáu của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh yêu dính thân mệnh, nhiễm sức nuôi dưỡng mong cho nó được trường tồn mà chẳng biết thân này là **không có thường** (vô thường), chẳng trong sạch, không có Tàm Quý, chẳng biết ân đức. Bồ Tát liền hiện chán ghét thân của mình, vứt bỏ sự ưa thích vinh hoa, lại khiến cho chúng sinh quán sát **Vô Thường**, sinh tưởng chán lìa. Đây gọi là **sự nghiệp chướng chung cùng thứ hai mươi bảy của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh xa lìa Phật, Pháp, Tăng. Bồ Tát tự thân nối tiếp mầm giống ba báu, lại khiến cho chúng sinh nối tiếp Phật Pháp Tăng khiến chẳng đoạn tuyệt. Đây gọi là **sự nghiệp chướng chung cùng thứ hai mươi tám của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh lùi mất Thiện Pháp. Bồ Tát liền dùng Thiện Pháp nghiêm thân, lại khiến cho chúng sinh trụ trong Thiện Pháp. Đây gọi là **sự nghiệp chướng chung cùng thứ hai mươi chín của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh xa lìa Sư Trưởng, chẳng hành **sáu niệm** (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thí, niệm Giới, niệm Thiên). Bồ Tát liền dùng **sáu niệm** tự trang nghiêm, lại khiến cho chúng sinh thường tu **sáu niệm** như thật quán Trí. Đây gọi là **sự nghiệp chướng chung cùng thứ ba mươi của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh bị lưới Nghiệp phiền não che lăm quán quanh. Bồ Tát liền hiện xé rách lưới **Nghiệp Hoặc**, cũng khiến cho chúng sinh dứt hẳn Nhân sinh tử, an trụ Chính Pháp. Đây gọi là **sự nghiệp chướng chung cùng thứ ba mươi một của Bồ Tát**.

Nếu thấy chúng sinh đủ các **Bất Thiện** (Akusala) xa lìa căn lành. Bồ Tát liền tự mình trừ hết các vật dụng, các trang nghiêm ác. Lại khiến cho chúng sinh đầy đủ căn lành, xa lìa Bất Thiện. Đây gọi là **sự nghiệp chướng chung cùng thứ ba mươi hai của Bồ Tát**.

Này Thiện Nam Tử! Đây là **32 loại sự nghiệp chướng chung cùng của Bồ Tát**. Nếu các Bồ Tát an trụ Nghiệp này thì tất cả Thiện Pháp luôn tự tăng trưởng, viên mãn đầy đủ.

\_\_Lại nữa, Thiện Nam Tử! Bồ Tát lại có vô lượng sự nghiệp. Tại sao thế? Vì chúng sinh vô biên, phiền não của chúng sinh cũng lại vô lượng vô biên như vậy. Bồ Tát tùy theo phiền não sai biệt của tất cả chúng sinh ấy, cũng nói vô biên Môn giải thoát.

Này Thiện Nam Tử! Giả sử hết thấy Hạnh của chúng sinh tràn đầy trong hằng hà sa Thế Giới, hoặc hết thấy sự nghiệp của Thanh Văn Hạnh, hoặc Duyên Giác Hạnh... đem so với hết thấy sự nghiệp của Bồ Tát mới bắt đầu đã phát Tâm Bồ Đề này thì trăm phần chẳng theo kịp một phần, ngàn phần chẳng theo kịp một phần. Như vậy trăm ngàn phần, câu chi phần, trăm câu chi phần, ngàn câu chi phần, toán phần, ca la số phần, dụ phận, ưu ba ni sa đà phần đều chẳng theo kịp một phần. Tại sao thế? Vì Nhị Thừa tự đoạn trừ phiền não cho thân của mình, còn sự nghiệp của Bồ Tát chẳng vì

tự thân mình, lại khắp vì trừ dứt các phiền não của tất cả chúng sinh. Thế nên hết thảy sự nghiệp của Bồ Tát đem so với Nhị Thừa thì thù thắng hơn cả, Công Đức đã được nhiều vô lượng vô biên. Tại sao thế? Vì sự nghiệp mà chúng sinh phàm phu đã tu đều cùng tương ứng với tất cả điên đảo, chỗ làm của Nhị Thừa thì Tâm ấy hạn hẹp thấp kém, còn sự nghiệp của Bồ Tát thì xa lìa điên đảo vô lượng vô biên. Thế nên Công Đức mà Bồ Tát đã được cũng lại vô lượng vô biên như vậy. Do nghĩa này cho nên vượt qua tất cả Phàm Phu, Nhị Thừa”.

Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nghe Pháp này xong thời hơn hờ vui mừng, khắp thân sung sướng, Tâm được trong mát... rồi nói lời này: “Hiếm có! Bạch Đức Thế Tôn, thật là hiếm có! Đức Thế Tôn khéo hay phân biệt mọi loại Đà La Ni Môn, Môn của Đại Bi cùng với Môn của **sự nghiệp chẳng chung cùng** (bất cộng sự nghiệp) của Bồ Tát thâm sâu vi diệu cùng với Môn. Con nghe Đức Phật nói, nên con vui vẻ **đỉnh lễ nhận giữ** (đỉnh thọ), như Pháp phụng hành.

KINH THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI  
\_QUYỂN THỨ BA (Hết)\_